

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO TỔNG HỢP
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ

Đề tài: "Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp"

Đơn vị chủ trì: Vụ TK Nông, lâm nghiệp và thủy sản
Chủ nhiệm: Cử nhân Trần Thị Minh Châu
Thư ký: Cử nhân Hồ Sỹ Hiệp

Hà Nội 2004

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO TỔNG HỢP

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ

Đề tài: "Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp"

Đơn vị chủ trì: Vụ TK Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chủ nhiệm: Cử nhân Trần Thị Minh Châu

Thư ký: Cử nhân Hồ Sỹ Hiệp

Các thành viên tham gia:

1. PGS. TS Nguyễn Sinh Cúc
2. TS. Phùng Chí Hiền
3. Cử nhân Lương Phan Lâm

Hà Nội 2004

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Mở đầu	4
I. Kinh nghiệm của FAO và Nhật Bản về xây dựng hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp.	6
II. Đánh giá thực trạng hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp hiện hành.	9
III. Đề xuất cải tiến hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp	14
Kết luận và kiến nghị	23
Phụ lục 1	25
Tài liệu tham khảo	30
Danh mục sản phẩm đạt được	31

MỞ ĐẦU

Lâm nghiệp là một ngành kinh tế quan trọng, có chu kỳ sản xuất dài, liên quan đến nhiều mặt kinh tế xã hội, góp phần tạo môi trường sinh thái phát triển nền kinh tế một cách bền vững. Theo phân ngành kinh tế hiện nay, hoạt động lâm nghiệp bao gồm khâu lâm sinh (trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng) và khai thác các sản phẩm từ rừng (các loại lâm sản: gỗ và các lâm sản khác từ rừng, giá trị sản phẩm dịch vụ).

Vấn đề xây dựng và phát triển ngành lâm nghiệp xuất phát từ xây dựng và phát triển tài nguyên rừng. Việc xây dựng, phát triển tài nguyên rừng lại phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội và trình độ lực lượng sản xuất và khoa học kỹ thuật được phản ánh qua qua hệ thống chỉ tiêu thống kê trong từng thời kỳ. Chính vì vậy việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp là rất cần thiết.

So với yêu cầu thông tin thống kê phục vụ yêu cầu quản lý về lâm nghiệp trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp ở nước ta hiện nay còn nhiều bất cập. Số lượng thông tin nghèo, chất lượng thấp, thiếu các chỉ tiêu về hiệu quả sản xuất lâm nghiệp. Nhiều chỉ tiêu có nội dung nhưng không có phương pháp tính toán. Phương pháp điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh về cơ bản vẫn dựa vào các nội dung cũ, phần cải tiến chắp vá, chưa đồng bộ. Hiện nay nước ta đang xúc tiến xây dựng hệ thống chỉ tiêu quốc gia, trong đó có chỉ tiêu lâm nghiệp. Vì vậy đề tài nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp trở nên cấp bách.

Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp làm cơ sở khoa học cho việc đổi mới phương án điều tra, chế độ báo cáo hàng năm áp dụng cho ngành thống kê. Cải tiến phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp thông qua phương án điều tra lâm nghiệp phù hợp với thực tế, có cơ sở khoa học, có tính khả thi phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp các ngành từ Trung ương đến địa phương.

Để đạt được các mục tiêu trên, đề tài tập trung nghiên cứu các nội dung chính sau:

- Sưu tầm, hệ thống hoá kinh nghiệm các nước và của tổ chức FAO về hệ thống chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp.

- Đánh giá thực trạng hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp hiện nay, làm rõ các ưu, nhược điểm. Hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp được ban hành theo Quyết định 300-TCTK/NLTS (1996) và gần đây nhất là Quyết định 657/2002/QĐ-TCTK (2002) đã bổ sung, sửa đổi một số điểm so với các chế độ báo cáo trước.

- Đề xuất định hướng hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và cải tiến phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp.

Sau một năm triển khai nghiên cứu, đề tài đã hoàn thành những nội dung nghiên cứu trên theo 5 chuyên đề:

Chuyên đề 1: Kinh nghiệm của FAO và các nước về hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp, khả năng vận dụng vào Việt Nam.

Chuyên đề 2: Thực trạng hệ thống chỉ tiêu lâm sinh hiện nay, ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.

Chuyên đề 3: Thực trạng hệ thống chỉ tiêu khai thác gỗ và lâm sản hiện nay, ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.

Chuyên đề 4: Thực trạng phương pháp thu thập số liệu lâm sinh hiện nay (chế độ báo cáo, điều tra), ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.

Chuyên đề 5: Thực trạng phương pháp thu thập số liệu khai thác gỗ và lâm sản hiện nay (chế độ báo cáo, điều tra), ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.

Phương pháp nghiên cứu là kết hợp lý luận với thực tiễn, kết hợp điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về thống kê lâm nghiệp trong và ngoài nước, sử dụng tổng hợp các phương pháp thống kê trong xây dựng chỉ tiêu và phương pháp tính toán từng chỉ tiêu cụ thể. Đồng thời đề tài cũng dành thời gian và kinh phí để tổ chức hội thảo khoa học lấy ý kiến đóng góp của các cán bộ khoa học trong ngành thống kê và vụ nông nghiệp, nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng các báo cáo khoa học, nâng cao tính khả thi của các đề xuất trong từng chuyên đề khoa học.

Dựa vào kết quả nghiên cứu các chuyên đề trên, báo cáo tổng hợp đề tài gồm các nội dung chính:

- i. Những vấn đề cơ bản liên quan hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp của FAO và Nhật Bản, làm căn cứ đề xuất hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu trong ngành lâm nghiệp.

- ii. Phân tích ưu, nhược điểm của hệ thống chỉ tiêu lâm nghiệp và phương pháp thu thập số liệu lâm nghiệp hiện hành trong chế độ báo cáo ban hành theo Quyết định 657/2002/QĐ-TCTK (2002).

iii. Đề xuất cải tiến khái niệm chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp và nêu kiến nghị cải tiến các phương pháp thu thập số liệu phù hợp với điều kiện của Việt Nam đồng thời đáp ứng được nhu cầu so sánh quốc tế về lâm nghiệp.

I. KINH NGHIỆM CỦA FAO VÀ NHẬT BẢN VỀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU THỐNG KÊ LÂM NGHIỆP

Theo kinh nghiệm thế giới, quá trình phát triển lâm nghiệp ở các nước đều trải qua 3 giai đoạn: mất rừng, phục hồi rừng, phát triển rừng. Thực tế việc nghiên cứu kinh nghiệm các nước và các tổ chức quốc tế về thống kê lâm nghiệp ở nước ta từ trước đến nay còn nghèo nàn, nguồn tài liệu còn thiếu. Về cơ bản các phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp đang áp dụng hiện nay chủ yếu là của Việt Nam, tồn tại từ nhiều năm của thời kỳ kế hoạch hoá tập trung được bổ sung một số điểm nhưng chưa thành một hệ thống thống nhất. Trong khi đó công tác nghiên cứu khoa học về vấn đề này từ trước đến nay chưa được quan tâm đúng mức, phần lớn các nội dung cải tiến là do kinh nghiệm thực tế.

Quan điểm của FAO về phát triển lâm nghiệp là thực hiện xã hội hoá ngành lâm nghiệp trong mỗi quốc gia bằng cách khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng và bảo vệ rừng. Tăng cường hợp tác quốc tế trao đổi kinh nghiệm trên cơ sở chiến lược chung của khu vực. Cải thiện số liệu thống kê lâm nghiệp theo hướng phản ánh chính xác thực trạng ngành lâm nghiệp có tính đến đặc thù của mỗi quốc gia và khu vực, có thể so sánh quốc tế, đáp ứng nhu cầu người dùng tin trong lĩnh vực lâm nghiệp.

1. Hệ thống chỉ tiêu lâm nghiệp chủ yếu của FAO

1.1. Các chỉ tiêu liên quan đến khâu trồng, khoanh nuôi bảo vệ rừng

- + Diện tích rừng hiện có:
 - Diện tích rừng tự nhiên: Phân loại: rừng nguyên sinh, rừng cấm, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng văn hoá - lịch sử, rừng nghèo kiệt, rừng giàu, rừng non, rừng già, diện tích được khoanh nuôi bảo vệ, rừng gỗ, rừng tre nứa, rừng hỗn giao, rừng ngập mặn, rừng núi đá, v.v... Mỗi loại rừng chia theo cấp tuổi từ cấp I đến cấp VI.
 - Diện tích rừng trồng. Phân theo mục đích: trồng mới rừng nguyên liệu giấy, rừng đặc sản theo các loại cây thân gỗ lớn quý hiếm, cây nguyên liệu công

nghiệp, các loại cây họ dầu, các loại cây lâm nghiệp ngoài gỗ, cây ăn quả, cây dược liệu. Căn cứ vào tình hình trồng và nuôi rừng chia ra các loại: diện tích rừng chuẩn bị cho công nghiệp khai thác và trữ lượng có thể khai thác: rừng gỗ (diện tích, trữ lượng); rừng tre luồng (diện tích, trữ lượng); rừng nứa (diện tích, trữ lượng); diện tích rừng được dọn sau khi khai thác; diện tích rừng được tu bổ.

- Tỷ lệ đất rừng được che phủ.

- + Rừng đã khai thác.

- + Đất có khả năng lâm nghiệp.

- + Trữ lượng rừng.

- + Các chỉ tiêu bảo vệ rừng: diện tích rừng bị cháy hàng năm (phân theo diện tích các loại rừng có giá trị kinh tế, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, loại cây quý hiếm, v.v...); diện tích rừng bị phá (phân tổ theo các nguyên nhân phá rừng như khai thác lậu, làm nương rẫy,...); số trạm dự báo cháy rừng; số máy bay chuyên dùng cho công tác phát hiện và dập tắt cháy rừng; số máy móc chuyên dùng trong hoạt động lâm nghiệp.

1.2. Các chỉ tiêu liên quan đến khai thác gỗ và lâm sản

- + Sản lượng gỗ khai thác (phân theo gỗ cây đặc sản, gỗ gia dụng, gỗ củi, gỗ trụ mỏ, gỗ nguyên liệu giấy (gỗ giấy, tre, luồng, nứa,...)).

- + Sản lượng khai thác các loại lâm sản khác (phân tổ theo các loại lâm sản ngoài gỗ đã khai thác)

- + Sản phẩm lâm nghiệp xuất khẩu.

1.3. Các chỉ tiêu hoạt động dịch vụ lâm nghiệp

- + Hoạt động kiểm lâm, đánh giá trữ lượng gỗ và các lâm sản khác từ rừng.

- + Hoạt động quản lý rừng.

- + Hoạt động ngăn chặn nạn cháy rừng và chữa cháy.

- + Hoạt động vận chuyển gỗ và lâm sản trong rừng.

2. Phương pháp thu thập thông tin thống kê lâm nghiệp

Phương pháp thu thập thông tin thống kê lâm nghiệp trên thế giới được áp dụng phổ biến là điều tra chuyên môn. Trong điều tra chuyên môn có điều tra toàn bộ và điều tra không toàn bộ.

Điều tra toàn bộ được áp dụng phổ biến là Tổng điều tra lâm nghiệp theo chu kỳ 5 năm một lần nhằm thu thập toàn bộ số liệu các hình thức hoạt động lâm

nghiệp trên toàn lãnh thổ mỗi quốc gia. Một số nước tiến hành 10 năm một lần. Các thông tin thu thập qua các cuộc Tổng điều tra rất phong phú và đa dạng, có thể khai thác và sử dụng nhiều năm.

Giữa 2 cuộc Tổng điều tra theo chu kỳ, các nước tổ chức thu thập thông tin thông qua các cuộc điều tra không toàn bộ. Điều tra không toàn bộ phổ biến là điều tra chọn mẫu, điều tra chuyên đề, điều tra trọng điểm và điều tra định kỳ hàng năm để thu thập các thông tin trong năm.

Ở một số nước còn áp dụng hình thức thu thập thông tin định lượng qua điều tra thống kê định kỳ được gửi đến các doanh nghiệp, các công ty dưới hình thức "phiếu phỏng vấn". Các thông tin thu thập theo hệ thống chỉ tiêu biểu mẫu thống nhất. Ở các nước phát triển hình thức này giữ vai trò quyết định. Số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian báo cáo được qui định rõ trong "phiếu phỏng vấn". Vào những thời điểm nhất định hệ thống máy tính đã nối mạng hoạt động đồng bộ để truyền đưa thông tin từ cơ sở hoặc địa phương từ cấp dưới lên cấp trên. Cơ quan thống kê căn cứ vào các thông tin đã nhận bằng đường nối mạng hoặc bưu điện tiến hành tổng hợp, phân tổ và phân tích. Hình thức này có ưu điểm là các chỉ tiêu thu thập được có tính hệ thống, chủng loại và kết cấu được xác định rõ ràng ổn định thuận lợi cho việc tính toán các chỉ tiêu phân tích, lập các mô hình tổng hợp và chuyên ngành.

3. Hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp của Nhật Bản

3.1 Hệ thống chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp Nhật Bản:

- + Số hộ, cơ sở có hoạt động lâm nghiệp.
- + Số trang trại lâm nghiệp.
- + Số hộ không phải trang trại.
- + Số hộ lâm nghiệp có bán các sản phẩm lâm nghiệp: Gỗ và các sản phẩm lâm nghiệp khác; riêng sản phẩm gỗ phân theo gỗ tròn, gỗ nguyên liệu, gỗ xẻ dùng cho cây nấm.
- + Số lao động lâm nghiệp của hộ phân theo thời gian lao động trong năm gồm tổng số lao động (chia ra số người làm dưới 30 ngày, số người làm từ 30-59 ngày, số người làm từ 60-149 ngày, số người làm từ 150 ngày trở lên).
- + Số hộ lâm nghiệp chia theo loại công việc: trồng rừng, phát quang bụi cây thấp, tía thưa, chặt cây.

- + Diện tích thực hiện: trồng rừng, được phát quang, được tĩa thưa, đã chặt cây.
- + Các cơ sở dịch vụ lâm nghiệp được chia theo loại hình hoạt động (HTX trồng rừng, cơ sở tư nhân, công ty, loại hình khác như các nhóm sản xuất, hiệp hội...).
- + Các cơ sở phân theo nhiệm vụ chính: tái trồng rừng và chăm sóc rừng theo hợp đồng, sản xuất nguyên liệu, mua cây đứng
- + Các cơ sở phân theo loại hợp đồng: trồng rừng, phát quang bụi cây thấp, tĩa thưa, chặt cây, mua cây đứng.
- + Diện tích thực hiện theo hợp đồng: trồng rừng, phát quang bụi cây thấp, tĩa thưa, chặt cây, mua cây đứng.

3.2 Phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp

Nhật Bản là một nước phát triển, việc thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp chủ yếu dựa vào Tổng điều tra lâm nghiệp theo chu kỳ 10 năm một lần. Giữa 2 cuộc Tổng điều tra, số liệu về hoạt động lâm nghiệp được cập nhật phụ thuộc vào điều tra thống kê định kỳ bằng hình thức “phiếu phỏng vấn” được gửi đến các cơ sở điều tra và Tổng điều tra nông nghiệp chu kỳ 5 năm một lần. Đối tượng điều tra là toàn bộ các hộ, các trang trại lâm nghiệp cũng như các cơ sở hoạt động lâm nghiệp (doanh nghiệp, HTX, công ty,...) có sản xuất lâm nghiệp và hoạt động dịch vụ lâm nghiệp trên toàn lãnh thổ.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU THỐNG KÊ LÂM NGHIỆP HIỆN HÀNH.

So với yêu cầu thông tin phục vụ quản lý về lâm nghiệp trong giai đoạn hiện nay, hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp hiện nay cần hoàn thiện thêm một bước và phương pháp thu thập thông tin cũng cần cải tiến cho phù hợp. Nhiều chỉ tiêu còn thiếu khái niệm hoặc chưa có khái niệm rõ ràng, trong cùng một chỉ tiêu đơn vị tính chưa thống nhất. Nhiều chỉ tiêu có nội dung nhưng chưa có phương pháp thu thập tính toán như: diện tích rừng hiện có hàng năm, diện tích trồng cây phân tán, tỷ lệ che phủ đất rừng, dịch vụ lâm nghiệp, giá trị sản xuất lâm nghiệp theo quý, 6 tháng, 9 tháng, thiệt hại rừng,... Trong phương án điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh, việc phân vùng chọn mẫu tuy có phân thành các vùng nhưng vẫn còn dàn trải, chưa chú ý đến các vùng trọng điểm về lâm nghiệp. Phương pháp điều tra lâm nghiệp ngoài quốc

doanh và báo cáo của các lâm trường quốc doanh về cơ bản vẫn dựa vào các nội dung cũ, phần cải tiến còn chấp vá, chưa đồng bộ.

1. Thực trạng hệ thống chỉ tiêu lâm sinh và khai thác gỗ, lâm sản hiện nay:

Lâm sinh là các hoạt động trồng rừng tập trung, trồng cây lâm nghiệp phân tán và nuôi rừng với mục tiêu tái sinh rừng, tái tạo vốn rừng, khôi phục lại rừng, cải tạo rừng tự nhiên, khôi phục rừng trồng, cải tạo đất bạc màu, chống nạn mất trắng, xâm lấn rừng và suy thoái rừng. Các dạng sản phẩm của hoạt động lâm sinh phản ánh hoạt động trồng cây gây rừng, tu bổ, bảo vệ cải tạo rừng theo các mục đích.

Khai thác là các hoạt động khai thác gỗ, lâm sản khác từ rừng, thu nhặt các nguyên liệu, các sản phẩm hoang dại khác từ rừng, vận chuyển gỗ trong rừng đến bãi II kết hợp khai thác gỗ và sơ chế gỗ trong rừng. Các dạng sản phẩm của hoạt động khai thác gỗ và lâm sản cần thu thập và tính toán trong thống kê lâm nghiệp bao gồm: Gỗ, củi, lâm sản và đặc sản thu hoạch trong quá trình sản xuất lâm nghiệp.

Qua nghiên cứu các chỉ tiêu hiện hành, đề tài rút ra một số nhận xét như sau:

1.1. Ưu điểm: Trong chế độ báo cáo và điều tra lâm nghiệp hiện hành các chỉ tiêu về lâm sinh và khai thác cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo của các cấp, các ngành.

Những chỉ tiêu lâm sinh chủ yếu được phản ánh trong hệ thống chỉ tiêu, một số chỉ tiêu chi tiết đã được bổ sung nhằm phản ánh chiến lược phát triển lâm nghiệp trong dự án 661 (Dự án 5 triệu ha rừng). Cụ thể là chỉ tiêu phản ánh các công việc phục hồi rừng kiệt như diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung, số cây trồng phân tán, diện tích rừng trồng được chăm sóc, diện tích rừng trồng bổ sung, diện tích rừng trồng được khoanh nuôi tái sinh.

Hệ thống chỉ tiêu khai thác gỗ và lâm sản mặc dù ra đời sau nhưng nó phần nào đáp ứng và tiếp cận thực tế sản xuất. Các chỉ tiêu trong hệ thống thống kê lâm nghiệp khai thác gỗ và lâm sản hiện nay bao gồm: Gỗ, củi, lâm sản và đặc sản thu hoạch trong quá trình sản xuất lâm nghiệp.

1.2. Nhược điểm: Trong xu thế hội nhập hiện nay với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần nội dung các chỉ tiêu lâm sinh và khai thác lâm sản bộc lộ một số nhược điểm:

+ Một số khái niệm chỉ tiêu, nội dung các chỉ tiêu lâm sinh còn chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, như chỉ tiêu "diện tích rừng trồng tập trung" và "trồng mới bổ sung" chưa nêu được diện tích trồng mới trên những loại đất gì, và trồng bổ sung ở đâu; có chỉ tiêu dễ gây nhầm lẫn khi phân loại, chỉ tiêu "diện tích rừng được chăm sóc" và "diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh"; chỉ tiêu "diện tích rừng đặc dụng", v.v..., hoặc có những chỉ tiêu mới bổ sung chưa nêu khái niệm, nội dung, như chỉ tiêu "rừng gỗ", "rừng tre luồng", "rừng đặc sản". Hệ thống chỉ tiêu lâm sinh chưa phân tổ chi tiết theo loại rừng (rừng già, rừng gỗ non, rừng nghèo kiệt); theo công dụng kinh tế (rừng gỗ, rừng nguyên liệu giấy, rừng cây đặc sản)... Tác dụng của việc phân loại này nhằm phản ánh chất lượng rừng một cách đầy đủ bởi vì tỷ trọng diện tích rừng có nhiều loại cây chất lượng cao thì phẩm cấp rừng càng tốt. Đối với cây lâm nghiệp trồng phân tán chưa phản ánh đầy đủ thực tế trồng các loại cây khác nhau: cây lấy gỗ, tre luồng, cây đặc sản, cây lâm nghiệp khác (cây bóng mát, cây lấy củ,...).

+ Hệ thống chỉ tiêu khai thác gỗ và lâm sản cũng bộc lộ nhược điểm: Một là, phân tổ sản phẩm gỗ chưa chi tiết, thiếu phân tổ theo nhóm gỗ và theo nguồn khai thác. Gỗ có nhiều nhóm tốt xấu khác nhau, giá trị của chúng cũng khác nhau rất lớn do đó nếu gộp chỉ tiêu gỗ thành 1 nhóm có ảnh hưởng lớn đến độ chính xác của chỉ tiêu giá trị. Khai thác gỗ không chỉ giới hạn gỗ từ rừng tự nhiên mà còn cả gỗ rừng trồng tập trung, trồng cây phân tán (trước đây tính vào trồng trọt của nông nghiệp) hoặc gỗ tận dụng trong quá trình tĩa thừa, gỗ cành ngọn, củi cành, mây, tre, nứa hàng, gỗ nguyên liệu giấy, sợi... Hệ thống chỉ tiêu khai thác hiện nay chưa phản ánh đầy đủ kết quả sản xuất của vùng rừng nguyên liệu cho công nghiệp giấy, nguyên liệu gỗ sản xuất ván ép, gỗ trụ mỏ, vùng rừng đặc sản quế, hồi, thảo quả, tre lấy măng... theo chủ trương của Nhà nước. Hai là, đơn vị tính một số sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ chưa qui định rõ ràng, hệ số qui đổi hình thái một số sản phẩm chưa bảo đảm tính thống nhất trong thống kê sản phẩm, việc phân biệt giữa sản phẩm khai thác và thu nhặt còn lẫn lộn.

Tóm lại nội dung các chỉ tiêu lâm sinh và khai thác lâm sản hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu cập nhật thông tin lâm nghiệp quý, 6 tháng và 9 tháng của Nhà nước cũng như của ngành thống kê. Bản thân hoạt động lâm nghiệp diễn ra rất đa dạng trong tất cả các thành phần và khu vực kinh tế, trong đó phức tạp nhất là

khu vực hộ gia đình nông dân. Tình trạng vừa thừa vừa thiếu thông tin nhưng chậm sửa đổi vẫn diễn ra trên nhiều lĩnh vực phản ánh những bất cập về tính thực tiễn và tính khả thi trong phương pháp thu thập số liệu thống kê hiện hành.

2. Thực trạng phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm sinh và khai thác gỗ và lâm sản hiện nay:

Hiện nay thống kê lâm nghiệp có hai hình thức thu thập thông tin báo cáo định kỳ và điều tra chọn mẫu.

- *Chế độ báo cáo cơ sở:* Thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ hàng năm đối với các doanh nghiệp lâm nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập (chủ yếu là các lâm trường quốc doanh).

- *Chế độ điều tra chọn mẫu:* Chế độ này áp dụng cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh bao gồm: tư nhân cá thể, hộ gia đình và kinh tế hỗn hợp. Đây là khu vực chủ yếu là các hộ gia đình phân bố rộng khắp, chiếm vị trí quan trọng trong toàn bộ nền kinh tế nói chung và trong ngành lâm nghiệp nói riêng. Trong ngành lâm nghiệp, khu vực này chiếm hơn 70% giá trị sản xuất toàn ngành. Một số sản phẩm như trồng cây phân tán, khai thác gỗ, củi và lâm sản khác, v.v... đều do khu vực này đảm nhận.

2.1. Ưu điểm: Đối với ngành Thống kê, thu thập thông tin hoạt động lâm nghiệp theo hai hình thức là phù hợp với điều kiện tổ chức bộ máy, kinh phí và trình độ cán bộ thống kê lâm nghiệp các cấp trong giai đoạn hiện nay. Ưu điểm này rất có ý nghĩa vì nếu phương pháp quá phức tạp và tốn kém không phù hợp với trình độ cán bộ và điều kiện kinh phí của ngành thường dẫn đến tình trạng sử dụng số liệu ước tính thay cho điều tra, độ tin cậy thấp.

Mục đích cả hai hình thức nhằm phản ánh kịp thời kết quả sản xuất lâm nghiệp của tất cả các thành phần kinh tế trong năm sản xuất: Nhà nước, các HTX lâm nghiệp, trường học, hộ gia đình, các tổ chức khác, v.v... Phạm vi báo cáo và điều tra được thực hiện trên cả nước. Phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kinh phí ít. Phương pháp chọn mẫu trong điều tra lâm nghiệp là: kết hợp phương pháp chuyên gia và phương pháp điều tra chọn mẫu máy móc để chọn ra các đơn vị đại diện làm căn cứ cho việc suy rộng kết quả. Hộ gia đình là đơn vị điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh.

2.2. Nhược điểm: Các hình thức trên vẫn còn nhiều nhược điểm, hạn chế và đã xuất hiện một số mâu thuẫn mới cần nghiên cứu giải quyết:

*** Chế độ báo cáo cơ sở:**

Chu kỳ báo cáo điều tra hiện hành theo thời gian 1 năm 1 lần để phục vụ cho báo cáo cả năm, không có số liệu từng quý, 6 tháng và 9 tháng. Điều này hiện nay không phù hợp với yêu cầu cập nhật thông tin lâm nghiệp quý, 6 tháng và 9 tháng của Nhà nước cũng như của ngành thống kê. Không có chế độ báo cáo lâm nghiệp từng quý nên cơ quan thống kê các cấp từ TW đến địa phương đều không có số liệu để tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất của ngành lâm nghiệp (hiện vật, giá trị sản xuất, GDP, cơ cấu kinh tế, tăng trưởng của ngành lâm nghiệp). Hậu quả là cơ quan thống kê các cấp phải sử dụng phương pháp ước tính nên độ tin cậy rất thấp. Nội dung thông tin thu thập trong chế độ báo cáo đối với các doanh nghiệp lâm nghiệp vừa thừa lại vừa thiếu, chưa phản ánh được cơ chế quản lý theo khoán hộ hiện nay, thiếu tính thực tiễn và chậm được sửa đổi. Trong các lâm trường quốc doanh hiện nay cơ chế khoán đến hộ gia đình công nhân viên chức đã được thực hiện trên diện rộng. Nhiều diện tích rừng và đất rừng đã giao cho hộ quản lý, khoanh nuôi, vệ sinh, bảo vệ, tĩa thưa và cả khai thác. Trong khi đó nội dung các chế độ báo cáo áp dụng cho lâm trường quốc doanh vẫn tồn tại những chỉ tiêu của thời bao cấp: diện tích đất rừng theo quy hoạch, đang quản lý, số lượng lao động, doanh thu, nộp ngân sách, các chỉ tiêu tài chính khác... Vì vậy tính thực tiễn của chế độ báo cáo hiện hành rất hạn chế và không có tính khả thi.

*** Điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh:**

+ Phương pháp điều tra hiện nay quy định cứ hai năm tiến hành điều tra một lần, còn các năm không điều tra Cục Thống kê các tỉnh, thành phố thông qua số liệu của các ban ngành, các dự án để tổng hợp số liệu và báo cáo theo quy định với đầy đủ các chỉ tiêu về hoạt động lâm nghiệp. Như vậy số liệu thống kê lâm nghiệp trong những năm không tiến hành điều tra thực chất là suy rộng có sự phối hợp với Sở Nông nghiệp và các ban ngành chuyên môn.

+ Trong phương án điều tra việc phân vùng chọn mẫu còn dàn trải, chưa chú ý đến các vùng trọng điểm có hoạt động sản xuất lâm nghiệp, tính đại diện mẫu chưa cao. Theo phương án điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh hiện nay, mỗi huyện là một vùng, không phân biệt huyện đó có hoạt động lâm nghiệp, huyện đồng bằng hay miền núi. Do đó số vùng được chọn để điều tra rất lớn, đi đôi với nó là số mẫu được chọn cũng lớn, trong đó có nhiều vùng không có hoạt động lâm nghiệp. Điều này chưa phản ánh đặc thù trong sản xuất lâm nghiệp là

tính chất hoạt động lâm nghiệp giữa các hộ, các vùng, miền cũng rất khác nhau phụ thuộc vào trình độ quản lý, mật độ hoạt động lâm nghiệp,...

+ Phương pháp tính toán và suy rộng kết quả điều tra lâm nghiệp dựa vào chỉ tiêu bình quân hộ đối với hoạt động lâm sinh và chỉ tiêu bình quân nhân khẩu đối với hoạt động khai thác theo từng loại lâm sản khai thác trên địa bàn điều tra mẫu là chưa đảm bảo tính khoa học và tính thực tế, chưa phù hợp cả về mức độ tham gia hoặc hưởng thụ lâm sản lẫn tính đa dạng, đặc thù và phân tán ở các vùng các địa phương khác nhau.

III. ĐỀ XUẤT CẢI TIẾN HỆ THỐNG CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU THỐNG KÊ LÂM NGHIỆP.

Các đề xuất cải tiến trong đề tài chú trọng kế thừa những ưu điểm và khắc phục nhược điểm của hệ thống chỉ tiêu lâm nghiệp hiện hành nêu rõ trong phần đánh giá thực trạng, từ đó bổ sung các khái niệm chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp phù hợp với yêu cầu quản lý lâm nghiệp. Các đề xuất của đề tài là hệ thống hoá các chỉ tiêu một cách khoa học; thống nhất phạm vi tính toán và phân định giữa các chỉ tiêu rành mạch hơn; trong từng chỉ tiêu phân tổ cụ thể và chi tiết hơn theo mục đích sử dụng; thống nhất lại đơn vị tính của từng chỉ tiêu và nêu nguyên tắc qui đổi tạm thời. Mỗi chỉ tiêu được phân loại bằng các khái niệm rõ ràng, hình thái sản phẩm, đơn vị tính. Kiến nghị đổi mới phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu phù hợp với điều kiện hiện nay của ngành thống kê nhằm cung cấp thêm cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu chế độ báo cáo, điều tra thống kê lâm nghiệp.

1. Đề xuất cải tiến hệ thống chỉ tiêu lâm nghiệp:

1.1. Hệ thống chỉ tiêu lâm sinh:

Để các chỉ tiêu lâm sinh được hiểu một cách đúng đắn, không nhầm lẫn giữa chỉ tiêu lâm sinh này với chỉ tiêu lâm sinh khác, đề tài đã đưa ra khái niệm, nội dung từng chỉ tiêu lâm sinh. Vì vậy, 11 khái niệm chỉ tiêu lâm sinh được làm rõ và nêu nguyên tắc phân bổ thống nhất giữa các chỉ tiêu nhằm tránh trùng, sót và đảm bảo cho việc thống kê chính xác từng chỉ tiêu lâm sinh. Trong một số chỉ tiêu có tính đặc thù, đề tài đề xuất nguyên tắc qui ước tính thống nhất. Tất cả khái niệm nêu trên đều có tính thiết thực hơn, nêu những qui định cụ thể hơn so với qui định trong chế độ báo cáo ban hành theo Quyết định 657/2002/QĐ-TCTK (2002).

Khái niệm chỉ tiêu "Diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung trong năm" trong chế độ báo cáo chỉ nêu qui mô diện tích, chưa nêu được diện tích trồng mới trên những loại đất gì và trồng bổ sung ở đâu, diện tích đất đó được qui hoạch là đất lâm nghiệp hay không. Khái niệm bổ sung đã làm rõ hơn diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung là diện tích đất lâm nghiệp hoặc đất có khả năng lâm nghiệp, đồng thời cũng bổ sung khái niệm về hai chỉ tiêu diện tích đất trên. Nhằm theo dõi tiến độ trồng rừng, qui mô và chất lượng trồng rừng, giúp lãnh đạo các cấp, các ngành chỉ đạo cụ thể đối với từng loại rừng và có biện pháp thiết thực đạt kế hoạch các chỉ tiêu đề ra, đề tài kiến nghị bổ sung theo dõi phân tổ rừng chi tiết hơn. Theo đó diện tích rừng được phân theo công dụng kinh tế (rừng gỗ, gỗ trụ mỏ, rừng tre luồng, rừng đặc sản,...). Liên quan đến việc phân tổ chỉ tiêu "Diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung trong năm", đề tài còn bổ sung một số khái niệm trước đây chưa nêu: diện tích rừng sản xuất trồng mới; diện tích rừng gỗ trồng mới; diện tích rừng tre luồng trồng mới; diện tích rừng đặc sản trồng mới; diện tích rừng đặc dụng trồng mới. Ngoài ra đề tài cũng đề xuất bổ sung khái niệm một số chỉ tiêu dễ gây nhầm lẫn khi phân tổ như chỉ tiêu "Diện tích rừng trồng được chăm sóc" và chỉ tiêu "Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh". Các khái niệm được bổ sung cụ thể hơn, chi tiết hơn nhằm tạo tiền đề nâng cao trình độ cán bộ thống kê, khâu phân tổ các chỉ tiêu lâm sinh được thực hiện một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ giúp cho các ngành, các cấp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các chỉ tiêu lâm sinh cũng như đặt kế hoạch cho các chỉ tiêu lâm sinh được đầy đủ, toàn diện, cụ thể, thiết thực.

Sau đây nêu khái niệm một số chỉ tiêu chính:

+ *Diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung trong năm*: là diện tích trồng mới tập trung và trồng bổ sung có quy mô từ 0,5 ha trở lên trên diện tích đất lâm nghiệp hoặc đất có khả năng lâm nghiệp.

Diện tích đất lâm nghiệp gồm diện tích đất dồn dùm vào lâm nghiệp tạm thời chuyển sang trồng rừng; đất rừng đã khai thác (là loại đất trên đó cây rừng được khai thác và được dọn vệ sinh) tạo điều kiện cho tái sinh rừng hoặc trồng lại; diện tích đất lâm nghiệp bỏ hoá chỉ còn loại dây leo, bụi rậm (những cây ít có giá trị kinh tế được cơ quan quản lý cấp trên cho phép phá đi để trồng trong kỳ) và diện tích rừng nghèo kiệt mật độ tán che dưới 30%.

Diện tích đất có khả năng lâm nghiệp gồm đất trống, đồi trọc, đất có độ dốc lớn, đất còn ngập nước ở vùng ven biển,...

- *Diện tích rừng gỗ trồng mới* là diện tích rừng trồng mới những cây trồng nhằm mục đích chính là làm gỗ trụ mố, gỗ xây dựng, gỗ làm đồ nội thất gia đình, gỗ làm nguyên liệu giấy.

- *Diện tích rừng tre luồng* trồng mới là diện tích trồng mới những cây tre, luồng, vầu, sặt, tầm vông, nứa và những cây họ tre luồng khác.

- *Diện tích rừng đặc sản trồng mới* là diện tích trồng những cây lâm nghiệp có giá trị cao như: cánh kiến, cọ, kè, tre lấy măng, quế, hồi, trầu, sớ, thảo quả, thông, nhựa, trám,...

- *Diện tích rừng trồng được chăm sóc* là diện tích rừng được làm cỏ, vun gốc, tỉa cây xâm lấn, chặt cây gãy, bón phân, phòng trừ sâu bệnh trong thời gian ba, bốn năm đầu sau khi trồng (cho đến khi khép tán).

- *Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh* là diện tích rừng nghèo kiệt tán che dưới 30% được ngành lâm nghiệp bảo vệ, cấm khai thác, tạo điều kiện để trong môi trường khí hậu nhiệt đới rừng tự phát triển nhanh chóng thành rừng trung bình và rừng giàu.

- *Số cây lâm nghiệp trồng phân tán*: Chỉ tiêu này trước đây chưa nêu được cây lâm nghiệp trồng phân tán là những loại cây gì.

Số cây lâm nghiệp trồng phân tán là số cây lâm nghiệp (loại cây trồng nhằm mục đích lấy gỗ củi, tre luồng, cây lâm nghiệp đặc sản phòng hộ, chắn gió cát, cây bóng mát bảo vệ sản xuất đời sống) trồng trong năm trên diện tích dưới 0,5 ha, cây trồng dọc đường giao thông, cây trồng trên kênh mương, quanh vườn, hoặc cây lâm nghiệp trồng xen với cây công nghiệp nhằm lấy bóng mát, giữ ẩm cho các loại cây công nghiệp.

Không được quy đổi số cây trồng phân tán thành diện tích tập trung để báo cáo (trừ trường hợp quy đổi diện tích cây phân tán thành diện tích trồng tập trung trong khi tính giá trị sản xuất).

Số cây trồng phân tán theo công dụng kinh tế chia ra cây lấy gỗ, tre luồng, cây đặc sản, cây lâm nghiệp khác.

1.2. Hệ thống chỉ tiêu khai thác gỗ và lâm sản:

Đề tài đã trình bày 40 khái niệm chỉ tiêu sản lượng lâm sản khai thác bao gồm các chỉ tiêu sản lượng gỗ và các lâm đặc sản khác được khai thác.

Sau đây là một số khái niệm chỉ tiêu sản lượng khai thác cơ bản bổ sung mới cho chế độ báo cáo:

+ *Sản lượng gỗ khai thác trong năm*: Là sản lượng các loại cây lâm nghiệp thân gỗ được khai thác trong 1 năm. Gỗ khai thác bao gồm gỗ khai thác chính và gỗ tận thu. Gỗ khai thác chính là những cây lâm nghiệp được khai thác có đường kính thân đạt tiêu chuẩn gỗ. Không tính những cây lâm nghiệp được khai thác có đường kính đạt tiêu chuẩn gỗ nhưng sử dụng làm chất đốt (làm than, làm củ đun) và các loại gỗ thu được từ cây công nghiệp lâu năm như cao su, mít... Theo khái niệm trên, các loại cây tràm, được khai thác trong năm được tính riêng không qui đổi thành gỗ, do tràm được không đạt tiêu chuẩn về đường kính thân, mặt khác giá trị tràm củi khác nhiều với giá trị gỗ.

Gỗ tận thu là lượng gỗ tận thu trong quá trình khai thác, trong công việc chăm sóc, tỉa thưa rừng sản xuất cũng như rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Số gỗ này không nằm trong chỉ tiêu khai thác hàng năm, do đó cần tách riêng để có thể so sánh với kế hoạch khai thác gỗ hàng năm.

Gỗ khai thác trong năm khai thác cần chia theo các thành phần kinh tế, theo nguồn gốc khai thác (rừng tự nhiên, rừng trồng kể cả rừng trồng tập trung và trồng cây phân tán), theo mục đích kinh tế (gỗ nguyên liệu giấy; gỗ ván sàn, gỗ ván dăm, ván ép và gỗ trụ mỏ), theo nhóm gỗ (nhóm 1 đến nhóm 8).

Hình thái sản phẩm: gỗ tròn ở dạng thô như cưa khúc, gỗ thanh, gỗ cọc đã được đẽo sơ, tà vẹt đường ray,...

Đơn vị tính: m³.

+ *Sản lượng củi khai thác*: là sản phẩm lâm nghiệp được dùng làm chất đốt trong sản xuất, đời sống. Củi khai thác được tính bao gồm cây có đường kính lớn thuộc nhóm gỗ và những sản phẩm lâm nghiệp khác như tre nứa, luồng,... được sử dụng làm chất đốt, củi cành ngọn thu được trong quá trình khai thác gỗ, thu hái trong rừng trồng, rừng tự nhiên; củi tận thu trong quá trình chăm sóc, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; cây lâm nghiệp trồng phân tán trong vườn, đường đi, kênh mương và những cây lâm nghiệp trồng trên những diện tích nhỏ dưới 0,5 ha. Không tính vào sản lượng củi được khai thác từ các loại cây nông nghiệp.

Đơn vị tính: ste.

+ *Sản lượng tre, luồng, vầu...*: là loại lâm sản được dùng vào mục đích đan lát, làm nhà, chuồng trại,... gồm tre, luồng, sặt, vầu, mét, tầm vông... có giá trị xấp xỉ nhau, gọi chung là nhóm cây thuộc họ tre, luồng.

Hình thái sản phẩm: nguyên cây hoặc chặt khúc qui đổi ra cây.

Đơn vị tính (ngoài mục đích làm nguyên liệu giấy): 1000 cây.

+ *Sản lượng cây nguyên liệu giấy khai thác*: là tre, luồng, vầu, sặt, nứa được khai thác trong năm nhằm mục đích làm giấy hoặc bột giấy.

Cây dùng làm nguyên liệu giấy cần được phân theo thành phần kinh tế.

Hình thái sản phẩm: nguyên cây hoặc đã cắt khúc, băm nhỏ qui đổi ra cây.

Đơn vị tính: tấn.

+ *Sản lượng nứa khai thác (còn gọi là nứa hàng)*: là sản lượng nứa khai thác dùng vào mục đích đan lát, làm đồ gia dụng (không kể nứa đun nấu đã tính vào củi và không tính nứa dùng làm nguyên liệu giấy).

Hình thái sản phẩm: nứa cây hoặc cắt khúc qui đổi ra cây.

Đơn vị tính: 1000 cây.

Nứa chia theo thành phần kinh tế.

+ *Sản lượng măng*: Măng tính trong chỉ tiêu này bao gồm măng khai thác thu hái từ rừng tự nhiên, rừng trồng và tre được trồng với mục đích lấy măng. Tất cả các loại măng này đều thống nhất tính vào sản phẩm lâm nghiệp.

Măng chia theo thành phần kinh tế.

Hình thái sản phẩm: măng tươi.

Đối với măng khô thống nhất qui ước tính thành măng tươi với hệ số 10 măng tươi bằng một măng khô.

Đơn vị tính: Tấn.

Ngoài đề xuất bổ sung các khái niệm cụ thể, đề tài đã đề xuất sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu trong báo cáo thống kê lâm nghiệp ban hành theo Quyết định 657/2002/QĐ-TCTK (2002) theo hướng cụ thể như sau:

(1) Nhóm chỉ tiêu "Diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung" trong chỉ tiêu "Rừng sản xuất trồng mới": bổ sung các phân tổ rừng gỗ, rừng tre luồng và rừng đặc sản.

(2) Nhóm chỉ tiêu "Số cây trồng phân tán" trong chỉ tiêu "Số cây trồng phân tán": bổ sung các phân tổ cây lấy gỗ; tre luồng; cây đặc sản; cây lâm nghiệp khác.

(3) Nhóm chỉ tiêu "Diện tích rừng trồng được chăm sóc" trong chỉ tiêu "Diện tích rừng được chăm sóc": bổ sung các phân tổ: rừng trồng sản xuất được chăm sóc; rừng trồng phòng hộ được chăm sóc; rừng trồng đặc dụng được chăm sóc.

(4) Nhóm chỉ tiêu "Diện tích rừng trồng theo dự án 5 triệu ha" cần sắp xếp thứ tự các chỉ tiêu như nhóm "Diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung". Cụ thể là:

- + Rừng sản xuất trồng mới chia theo rừng gỗ, rừng tre luồng và rừng đặc sản;
- + Rừng phòng hộ trồng mới;
- + Rừng đặc dụng trồng mới;
- + Rừng trồng bổ sung chia theo rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

(5) Nhóm chỉ tiêu "Tổng số gỗ khai thác" bổ sung các phân tổ nhỏ sau:

- + Nhóm gỗ khai thác chính; gỗ tận thu.
- + Nhóm gỗ khai thác từ rừng tự nhiên, gỗ khai thác từ rừng trồng (rừng trồng ở đây bao gồm rừng trồng tập trung và trồng cây phân tán).
- + Nhóm gỗ nguyên liệu giấy; gỗ ván sàn gỗ ván dăm, ván ép; gỗ mủ;
- + Gỗ nhóm 1; gỗ nhóm 2; gỗ nhóm 3; gỗ nhóm 4; gỗ nhóm 5, 6; gỗ nhóm 7,8.

(6) Bỏ nhóm chỉ tiêu "Sản phẩm thu nhật" ở biểu số 15 LN-T "Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp" cho phù hợp với nội dung biểu 14 LN-T "Khai thác gỗ và lâm sản".

Các đề xuất khái niệm chỉ tiêu được trình bày trong đề tài là rõ ràng, cụ thể, có tính khả thi cao, góp phần nâng cao kiến thức thống kê lâm nghiệp cho cán bộ thống kê các cấp trong cơ chế mới, bước đầu tiếp cận cơ chế quản lý mới của Nhà nước về ngành lâm nghiệp. Các đề xuất cũng làm rõ nguyên tắc qui định thống nhất hình thái đơn vị từng sản phẩm, hệ số qui đổi sản phẩm nhằm giúp người dùng tin có khái niệm cơ bản nhất về hình thái sản phẩm lâm nghiệp và qui ước phân loại sản phẩm lâm nghiệp khai thác theo các nhóm chỉ tiêu khác nhau trên cơ sở xác định giá trị sử dụng của từng sản phẩm. Chẳng hạn cũng là cây thuộc họ tre, luồng nhưng nếu được khai thác trong năm nhằm mục đích làm giấy hoặc bột giấy thì sẽ phân vào nhóm *cây nguyên liệu giấy khai thác*, nếu được dùng vào mục đích đan lát, làm đồ gia dụng, làm nhà, chuồng trại,... thì được

phân vào nhóm *tre, luồng, vầu,...* khai thác, nếu dùng cho mục đích làm chất đốt thì được tính vào *nhóm củi khai thác*. Cũng là sản phẩm gỗ khai thác nhưng được sử dụng vào mục đích xây dựng, làm đồ mộc, trang trí nội thất, nguyên liệu cho công nghiệp giấy, ván ép được tính vào chỉ tiêu *sản lượng gỗ khai thác trong năm*, nhưng nếu được sử dụng làm chất đốt (làm than, làm củi đun,...) được phân vào *nhóm củi khai thác*. Đề xuất đã khắc phục tình trạng dễ gây nhầm lẫn khi phân loại sản phẩm khai thác và sản phẩm thu nhập giữa các biểu mẫu bằng việc thống nhất loại bỏ nhóm chỉ tiêu không cần thiết trong chế độ báo cáo hiện hành như chỉ tiêu "thu nhập sản phẩm từ rừng" ở biểu số 15LN-T. Đề tài còn đề xuất phân biệt sản phẩm lâm nghiệp có cùng hình thái nhưng tên gọi khác nhau theo địa phương nên qui ước thống nhất gọi theo tên chung nhất, phổ biến nhất trong cả nước. Những đề xuất góp phần phân loại chỉ tiêu đầy đủ hơn, chính xác hơn, phản ánh chất lượng rừng một cách đầy đủ hơn và đánh giá đúng mức độ đóng góp của ngành lâm nghiệp vào nền kinh tế.

2. Đề xuất, cải tiến phương pháp thu thập số liệu lâm sinh và khai thác gỗ, lâm sản:

Đề tài đề xuất vẫn sử dụng 2 phương pháp thu thập số liệu lâm sinh, khai thác gỗ và lâm sản như hiện nay là báo cáo định kỳ áp dụng đối với các DNNN và điều tra chuyên môn đối với các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước có hoạt động lâm nghiệp. Khai thác số liệu các cuộc Tổng điều tra nông nghiệp, Tổng điều tra cơ sở kinh tế, Tổng kiểm kê rừng và đất rừng,... để bổ sung số liệu thống kê lâm nghiệp.

2.1. Cải tiến chế độ báo cáo định kỳ:

- + Nội dung thu thập sẽ tập trung vào các thông tin quan trọng có trong hoạt động của các DNNN, lược bỏ các chỉ tiêu không cần thiết hoặc cần nhưng không có khả năng thu thập và tính toán trong điều kiện hiện nay của các DNNN về lâm nghiệp.

- + Thời gian thu thập sẽ nhiều hơn, cụ thể là có báo cáo theo quý, 6 tháng và 9 tháng để đáp ứng yêu cầu thông tin làm báo cáo thống kê quý, 6 tháng và 9 tháng của ngành.

- + Mở rộng phạm vi các DNNN có hoạt động lâm nghiệp. Trước đây đối tượng thực hiện báo cáo là các doanh nghiệp lâm nghiệp Nhà nước. Đề xuất mở rộng đối tượng thực hiện chế độ báo cáo bao gồm các lâm trường, công ty cổ phần hoạt động lâm nghiệp, các liên hợp lâm nông nghiệp, các nông trường quốc

doanh có hoạt động khai thác gỗ và lâm sản, các trạm trại của Nhà nước có quản lý và sử dụng rừng và đất rừng, các đơn vị bộ đội, công an, các tổ chức chính trị, đoàn thể, xã hội có sử dụng rừng và đất rừng, trồng cây phân tán (Hội cựu chiến binh, Hội nông dân, Hội làm vườn...). Làm được như vậy sẽ "quét" hết các hoạt động khai thác gỗ và lâm sản của mọi DNNN và tổ chức kinh tế xã hội khác có sử dụng rừng, đất rừng và trồng cây phân tán có sản phẩm thu hoạch trong năm báo cáo, khắc phục được tình trạng thu thập không hết các thông tin gỗ và lâm sản khai thác của các doanh nghiệp trên địa bàn.

2.2. Đổi mới nội dung và phương pháp điều tra lâm nghiệp (lâm sinh và khai thác gỗ và lâm sản):

Đối với các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, phương pháp thu thập thông tin vẫn là áp dụng kết hợp điều tra toàn bộ qua Tổng điều tra nông nghiệp với chu kỳ 5 năm 1 lần với điều tra lâm nghiệp hàng năm theo phương pháp điều tra chọn mẫu.

Sau đây là một số đề xuất cải tiến phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp khu vực ngoài quốc doanh thông qua điều tra chọn mẫu hàng năm. Nội dung cải tiến tập trung vào các vấn đề chủ yếu:

(1). Phân tổ lại địa bàn điều tra: theo hướng tập trung chủ yếu và các địa bàn trọng điểm có hoạt động lâm nghiệp. Trên phạm vi cả nước, các tỉnh điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh được chia thành 2 tổ: tổ có rừng và đất rừng và tổ không có rừng và đất rừng Tương tự, trong mỗi tỉnh, thành phố, các huyện thị cũng phân chia thành 2 tổ như trên.

Sau khi đã phân tổ, trên phạm vi cả nước, tập trung điều tra vào các địa bàn thuộc nhóm có rừng và đất rừng. Trên phạm vi từng tỉnh, công tác tổ chức, chỉ đạo điều tra cũng làm tương tự. Đối với các tỉnh, huyện không có rừng nhưng có phong trào trồng cây phân tán phát triển mạnh, có nhiều sản phẩm lâm nghiệp đến chu kỳ cho thu hoạch được xếp vào một vùng khác với các vùng có rừng. Công tác điều tra trên các địa bàn không có rừng và đất rừng chỉ tiến hành ở phạm vi rất hẹp, ít chỉ tiêu, phương pháp chọn mẫu và điều tra thật đơn giản, không tốn kém kinh phí và lực lượng như các địa bàn có rừng và đất rừng.

(2) Phân vùng điều tra: Trong mỗi tỉnh, các địa bàn có cùng điều kiện tương tự như nhau được xếp vào một vùng để từ đó tiến hành phân vùng, chọn

xã, thôn và hộ điều tra. Các bước phân vùng, chọn xã đại diện theo cách thức tương tự như phương án điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh hiện nay. Phương pháp chọn mẫu điều tra được tiến hành theo quy trình chọn mẫu 3 cấp: Cấp 1 chọn xã; cấp 2 chọn thôn ấp bản và cấp 3 chọn hộ điều tra.

(3). *Tính toán suy rộng kết quả điều tra*: Phương pháp tính toán, suy rộng kết quả điều tra cũng tiến hành theo phương án cũ chỉ có điểm mới là chỉ suy rộng cho tổng thể có cùng điều kiện với mẫu điều tra, nên sai số chọn mẫu đã được hạn chế nhiều so với phương án hiện nay.

(4). *Tổ chức chỉ đạo điều tra*: Phương pháp đề nghị là tập trung cho các địa bàn có rừng và đất rừng cả về lực lượng, kinh phí, thời gian. Còn đối với các địa bàn không có rừng và đất rừng, kể cả địa bàn trồng cây phân tán trong nhân dân chỉ điều tra trên phạm vi rất hẹp, phương pháp giản đơn, không cần đầu tư kinh phí và lực lượng như các huyện, xã có rừng và đất rừng.

(5). *Thời gian điều tra*: chu kỳ điều tra mỗi năm một lần thay vì 2 năm một lần như trước đây. Thời điểm điều tra 1-8 nhằm phục vụ báo cáo 9 tháng và ước tính cả năm vào cuối tháng 9 hàng năm, khắc phục được tình trạng ước tính thiếu căn cứ số liệu thống kê như hiện nay.

Đối với các huyện không có rừng và đất rừng, hoạt động lâm nghiệp chỉ có trồng cây phân tán quy mô nhỏ không tiến hành điều tra lâm nghiệp hàng năm mà sử dụng phương pháp thu thập số liệu qua các nguồn thông tin khác như: Trồng cây gây rừng của chính quyền xã, HTX, các tổ chức đoàn thể, xã hội kết hợp với các nguồn số liệu của ngành Nông lâm nghiệp, ngành Thống kê, số liệu các dự án quốc gia và quốc tế (nếu có) để ước tính và báo cáo. Do các nguồn số liệu tham khảo phong phú, nội dung thông tin đơn giản, trình độ các bộ xã, thôn vùng đồng bằng khá cao nên độ tin cậy của số liệu ước tính có cơ sở.

Ngoài 2 hình thức thu thập thông tin chủ yếu trên, ngành Thống kê cần khai thác kết quả các cuộc Tổng điều tra khác như: nông nghiệp nông thôn chu kỳ 5 năm 1 lần; cơ sở kinh tế và hành chính sự nghiệp theo chu kỳ 5 năm 1 lần; điều tra thu chi gia đình; điều tra doanh nghiệp hàng năm; kiểm kê rừng và đất rừng; số liệu kết quả các chương trình dự án về trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán trong nhân dân... để bổ sung, tham khảo.

Tóm lại, đề tài không chỉ đề xuất nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp, phương pháp tính toán từng chỉ tiêu cụ thể mà còn làm rõ nguồn số liệu và phương pháp thu thập số liệu ở địa phương và cơ sở. Nói chung những đề xuất trong đề tài là có cơ sở thực tiễn, có thể nghiên cứu vận dụng trong công tác thực tiễn thống kê lâm nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp và cải tiến phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp là một chủ trương đúng, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng số liệu thống kê lâm nghiệp mà còn có ý nghĩa trong việc đánh giá đúng mức độ đóng góp của lâm nghiệp vào nền kinh tế, khuyến khích lâm nghiệp phát triển. Những đề xuất của đề tài góp phần hoàn thiện chế độ báo cáo và cải tiến phương án điều tra thống kê lâm nghiệp có tính khả thi, dễ làm, phù hợp với trình độ cán bộ thống kê các cấp, điều kiện kinh phí ngành thống kê và có thể áp dụng ngay trong những năm tới.

Xuất phát từ hoạt động sản xuất lâm nghiệp, trong đó rừng và đất rừng được giao cho các doanh nghiệp và hộ gia đình quản lý, chăm sóc, bảo vệ và khai thác sản phẩm, nên việc hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và cải tiến phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp cũng phải đổi mới theo hướng kết hợp hài hoà giữa báo cáo định kỳ áp dụng cho các cục thống kê tỉnh thành phố, chế độ báo cáo cơ sở áp dụng cho các doanh nghiệp Nhà nước với điều tra chuyên môn đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ gia đình hàng năm với các nội dung chủ yếu, kỹ thuật điều tra chọn mẫu.

Lâm nghiệp là một ngành đặc thù có nhiệm vụ làm dịch vụ công ích như một lá phổi xanh, bảo vệ môi trường cảnh quan, sinh thái, nhưng đồng thời cũng là một ngành kinh tế. Vì vậy, lâm nghiệp không chỉ trồng và phát triển những cây có mục đích sinh thái hoặc lấy gỗ củi, mà còn trồng những cây có nguồn gốc từ rừng, giá trị kinh tế cao, có tác dụng che phủ đất trồng đồi trọc, chống xói mòn. Từ quan điểm mới này, cần thiết phải có tư duy, tiêu chí mới về sản phẩm lâm nghiệp. Sau đây là một số kiến nghị cụ thể:

+ Đổi mới nhận thức và quan điểm về hoạt động lâm nghiệp theo hướng quan tâm đúng mức, đầu tư thoả đáng cho các hoạt động này tương ứng với vai trò, vị trí của nó trong cơ cấu kinh tế quốc dân cả nước cũng như từng địa phương thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập kinh tế thế giới. Để làm việc đó nhất thiết phải thực hiện bằng được nguyên tắc cơ bản của công tác quản lý là ổn định cơ chế lâm nghiệp từ chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, cơ

chế khoán chăm sóc bảo vệ rừng, chính sách giao đất giao rừng. Thực hiện rừng nào cũng có chủ cụ thể, kể cả rừng tự nhiên theo quy định của Luật đất đai năm 2003 và chủ trương giao đất, giao rừng cho hộ quản lý và bảo vệ ổn định, lâu dài (50 năm). Giải pháp này không chỉ có ý nghĩa đối với bảo vệ và tái tạo vốn rừng mà còn góp phần triển khai các giải pháp chuyên môn nghiệp vụ trong thống kê lâm nghiệp trong đó có nội dung cải tiến nội dung và phương pháp thu thập số liệu phù hợp với cơ chế quản lý mới về lâm nghiệp hiện nay.

+ Đối với ngành thống kê, các hoạt động đốt phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ lậu diễn ra ở nhiều vùng, ngoài tầm kiểm soát của các cơ quan chức năng, việc thu thập số liệu không có cơ sở và phương pháp phù hợp.

+ Nhằm đánh giá đúng mức độ đóng góp của lâm nghiệp vào nền kinh tế, khuyến khích lâm nghiệp phát triển, việc xây dựng danh mục sản phẩm lâm nghiệp trong "Hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân" cần đưa vào những cây, con có nguồn gốc từ rừng vì mục đích kinh tế theo quan điểm sản phẩm sống trong môi trường tự nhiên nào thì phải tính cho ngành đó. Chẳng hạn: trồng cây được liệu như quế, hồi; trồng và thu nhặt mộc nhĩ, nấm hương, nấm truffle,...

+ Tăng cường sự hợp tác toàn diện giữa tổ chức thống kê tập trung với tổ chức thống kê ngành nông nghiệp phát triển nông thôn từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Để có sự phối kết hợp đó, yêu cầu đặt ra hàng đầu là sự quan tâm của lãnh đạo các ngành hữu quan, trước hết là 2 ngành nông lâm nghiệp và thống kê và chính quyền cấp địa phương và cơ sở những địa bàn có rừng, đất rừng. Để bảo đảm tính khả thi của các đề xuất trên, đề tài kiến nghị Tổng cục Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn củng cố tổ chức bộ phận thống kê lâm nghiệp ở các cấp, ổn định cán bộ và đầu tư kinh phí thoả đáng cho công tác thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp hàng năm phù hợp với yêu cầu quản lý của Nhà nước về kinh tế lâm nghiệp.

Đề tài nghiên cứu hoàn thiện và cải tiến hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp chỉ dừng lại ở mức đề xuất nội dung và phương pháp tính toán cụ thể cho từng chỉ tiêu. Các đề xuất trên đây chỉ là những căn cứ khoa học và thực tế về chuyên môn nghiệp vụ để vụ chức năng của Tổng cục Thống kê nghiên cứu, vận dụng hoàn thiện chế độ báo cáo và điều tra thống kê trong lĩnh vực lâm nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng thông tin thống kê lâm nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh CNH.HDH nông nghiệp nông thôn nước ta. /.

Phụ lục 1. ĐỀ XUẤT HOÀN CHỈNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

Biểu số:12/LN-T

Diện tích rừng hiện có
(Đến 31-12-....)

Đơn vị tính: ha

	Mã số	Tổng số	chia theo TPKT
A	B	1	
I. Diện tích rừng hiện có 01=(02+03) <i>Chia ra:</i> - Rừng trồng - Rừng tự nhiên	01 02 03		
II. Diện tích rừng hiện có chia theo công dụng kinh tế 1 - Rừng sản xuất Trong đó: - <i>Rừng gỗ</i> - <i>Rừng tre luồng</i> - <i>Rừng đặc sản</i> 2 - Rừng phòng hộ 3- Rừng đặc dụng	-		

Phụ biểu: Diện tích rừng hiện có của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
..... ha

Biểu số:13/LN-T

TRỒNG RỪNG VÀ CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG RỪNG
(6 tháng và năm)

	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia theo TPKT	
A	B	C	1		
Diện tích rừng trồng tập trung Chia ra: 1. Rừng sản xuất <i>trồng mới</i> - Rừng gỗ - Rừng tre luồng - Rừng đặc sản 2. Rừng phòng hộ <i>trồng mới</i> 3. Rừng đặc dụng <i>trồng mới</i>	Ha Ha Ha Ha				
II. Số cây trồng phân tán - Cây lấy gỗ - Tre luồng - Cây đặc sản - Cây lâm nghiệp khác	-				
III. Diện tích rừng trồng được chăm sóc - Rừng sản xuất được chăm sóc - Rừng phòng hộ được chăm sóc - Rừng đặc dụng được chăm sóc	Ha				
IV. Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh	Ha				
V. Diện tích rừng trồng theo Dự án 5 triệu ha 1. Rừng sản xuất <i>trồng mới</i> - Rừng gỗ - Rừng tre luồng - Rừng đặc sản - Diện tích cây CN lâu năm - Diện tích cây ăn quả 2. Rừng phòng hộ <i>trồng mới</i> 3. Rừng đặc dụng <i>trồng mới</i> 4. Diện tích rừng <i>trồng bổ sung</i> - Rừng sản xuất - Rừng phòng hộ - Rừng đặc dụng	Ha Ha				

KHAI THÁC GỖ VÀ LÂM SẢN
(6 tháng và năm)

	<i>Đơn vị tính</i>	Mã số	Tổng số	Chia theo TPKT	
A	C	B	1		
1. TỔNG SỐ GỖ KHAI THÁC	m³				
a. Phân theo nguồn khai thác:	m³				
- Rừng tự nhiên	m³				
- Rừng trồng					
Trong rừng trồng:					
+ Rừng trồng tập trung	m³				
+ Cây lâm nghiệp phân tán	m³				
b. Phân theo mục đích kinh tế					
- Gỗ nguyên liệu giấy					
- Gỗ ván sàn, ván dăm, ván ép...					
- Gỗ trụ mỏ					
- Gỗ khác					
c. Phân theo nhóm gỗ					
- Gỗ nhóm 1					
- Gỗ nhóm 2					
- Gỗ nhóm 3					
- Gỗ nhóm 4					
- Gỗ nhóm 5,6					
- Gỗ nhóm 7,8					
d. Gỗ tận thu					
2. Củi	Ste				
3. Tre, luồng, vầu	1000 cây				
4. Nguyên liệu giấy	Tấn				
5. Nứa hàng	1000 cây				
6. Nhựa thông	Tấn				
7. Song, mây	Tấn				

8. Lá cọ	1000 lá				
9. Lá dừa nước	1000 lá				
10.					
11.					

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH LÂM NGHIỆP
(năm)

	Mã số	Đơn vị tính	Sản lượng (tấn)		Đơn giá	
			Tổng số	Chia theo TPKT	Giá CĐ	Giá TT
A	B	C	1	2	3	
TỔNG SỐ						
I. Trồng và nuôi rừng		ha				
1. Trồng rừng tập trung		ha				
2. Trồng cây phân tán		ha				
3. Chăm sóc rừng		ha				
4. Khoanh nuôi tái sinh		ha				
II. Khai thác lâm sản						
1. Gỗ		m3				
- Gỗ nhóm 1						
- Gỗ nhóm 2						
- Gỗ nhóm 3						
- Gỗ nhóm 4						
- Gỗ nhóm 5, 6						
- Gỗ nhóm 7, 8						
2. Củi		Ste				
3.						
4.						
.....						
IV. Các hoạt động bảo vệ rừng và dịch vụ lâm nghiệp						
1. Chi phí quản lý bảo vệ rừng						
2. Chi phí điều tra qui hoạch rừng						
3. Chi phí quản lý lâm nghiệp						

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo Thống kê lâm nghiệp tại Hội nghị lần thứ 18 các nước châu Á Thái Bình Dương tại Bali (Indonexia) từ 6-10 tháng 11 năm 2000.
2. Báo cáo Thống kê lâm nghiệp tại Hội nghị lần thứ 19 các nước châu Á Thái Bình Dương tại Xeoul (Korea) từ 21-25 tháng 10 năm 2002.
3. Báo cáo của Ủy ban Lâm nghiệp Châu Á Thái Bình Dương (Khoá họp lần thứ 20 tại Nadi (Fiji) từ 19-23 tháng 3 năm 2004).
4. Tài liệu Tổng điều tra lâm nghiệp của Nhật Bản.
5. Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2001-2010 (Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn).
6. Chế độ báo cáo thống kê định kỳ của Tổng cục Thống kê ban hành theo các Quyết định:
 - QĐ 156-PPCĐ/TK ngày 5-8-1971.
 - QĐ 195/ TCTK ngày 4-12-1990.
 - QĐ 287/TCTK-QĐ ngày 20-10-1995.
 - QĐ 300/TCTK/NLTS ngày 19-7-1996.
 - QĐ 657/2002/ QĐ-TCTK ngày 2-10-2002.
7. Chế độ báo cáo thống kê Liên bộ theo QĐ 1214/LB-TCTK ngày 28-9-1970.
8. Chế độ báo cáo thống kê lâm nghiệp của Bộ Lâm nghiệp số 811/TV ngày 23-8-1982.
9. Hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân năm 1994 của Tổng cục Thống kê.
10. Lâm nghiệp Việt Nam 1945-2000 (Nhà xuất bản nông nghiệp).

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐẠT ĐƯỢC

STT	Nội dung	Số trang
1	Các báo cáo chuyên đề	
1.1	Kinh nghiệm các nước và của FAO về hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp, khả năng vận dụng vào Việt Nam.	15
1.2	Thực trạng hệ thống chỉ tiêu lâm sinh hiện nay, ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.	15
1.3	Thực trạng hệ thống chỉ tiêu khai thác gỗ và lâm sản hiện nay, ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.	19
1.4	Thực trạng phương pháp thu thập số liệu lâm sinh hiện nay (chế độ báo cáo, điều tra), ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến	13
1.5	Thực trạng phương pháp thu thập số liệu khai thác gỗ và lâm sản hiện nay (chế độ báo cáo, điều tra), ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến	18
2	Báo cáo tổng hợp	31
3	Báo cáo tóm tắt	14

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO TÓM TẮT
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ

Đề tài: "Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp"

Đơn vị chủ trì: Vụ TK Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chủ nhiệm: Cử nhân Trần Thị Minh Châu

Thư ký: Cử nhân Hồ Sỹ Hiệp

Hà Nội, năm 2004

BÁO CÁO TÓM TẮT
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ

Đề tài: "Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp"

Đơn vị chủ trì: Vụ TK Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Chủ nhiệm: Cử nhân Trần Thị Minh Châu

Thư ký: Cử nhân Hồ Sỹ Hiệp

Các thành viên tham gia:

1. PGS. TS Nguyễn Sinh Cúc
2. TS. Phùng Chí Hiền
3. Cử nhân Lương Phan Lâm

Hà Nội, năm 2004

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
I. Tình hình triển khai nghiên cứu đề tài	4
II. Kết quả nghiên cứu đề tài	5
1. Kinh nghiệm của FAO về xây dựng hệ thống chỉ tiêu lâm nghiệp	5
2. Đánh giá thực trạng hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp hiện hành.	5
3. Đề xuất cải tiến hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp.	8
III. Kiến nghị và kết luận	11
Tài liệu tham khảo	13
Danh mục sản phẩm đạt được	14

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI:

Thời gian triển khai nghiên cứu: Từ quý I đến quý IV năm 2004.

Yêu cầu của đề tài: Đánh giá thực trạng và đề xuất hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu mới phù hợp với điều kiện của Việt Nam đồng thời đáp ứng được yêu cầu so sánh quốc tế về lâm nghiệp.

Lực lượng tham gia nghiên cứu: Đề nghiên cứu đề tài này về Nông nghiệp đã chọn lọc và phân công các cán bộ chủ chốt có trình độ và năng lực nghiên cứu khoa học, am hiểu lâm nghiệp đảm nhận 5 chuyên đề trong đó có một phó giáo sư, tiến sỹ. Cụ thể đề tài có 5 chuyên đề với nội dung chủ yếu sau:

Chuyên đề 1: Kinh nghiệm các nước và của FAO về hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp, khả năng vận dụng vào Việt Nam.

Chuyên đề 2: Thực trạng hệ thống chỉ tiêu lâm sinh hiện nay, ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.

Chuyên đề 3: Thực trạng hệ thống chỉ tiêu khai thác gỗ và lâm sản hiện nay, ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.

Chuyên đề 4: Thực trạng phương pháp thu thập số liệu lâm sinh hiện nay (chế độ báo cáo, điều tra), ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.

Chuyên đề 5: Thực trạng phương pháp thu thập số liệu khai thác gỗ và lâm sản hiện nay (chế độ báo cáo, điều tra), ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.

Dựa vào kết quả nghiên cứu các chuyên đề trên, đề tài có các nội dung chính:

i. Những vấn đề cơ bản liên quan hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp của FAO và Nhật Bản, làm căn cứ đề xuất hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu trong ngành lâm nghiệp.

ii. Phân tích ưu nhược điểm của hệ thống chỉ tiêu lâm nghiệp và phương pháp thu thập số liệu lâm nghiệp hiện hành trong chế độ báo cáo ban hành theo Quyết định 657/2002/QĐ-TCTK (2002).

iii. Đề xuất cải tiến khái niệm chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp và nêu kiến nghị cải tiến các phương pháp thu thập số liệu phù hợp với điều kiện của Việt Nam đồng thời đáp ứng được nhu cầu so sánh quốc tế về lâm nghiệp.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1. Kinh nghiệm của FAO về xây dựng hệ thống chỉ tiêu lâm nghiệp.

Theo kinh nghiệm thế giới, quá trình phát triển lâm nghiệp ở các nước đều trải qua 3 giai đoạn: mất rừng, phục hồi rừng, phát triển rừng. Thực tế việc nghiên cứu kinh nghiệm các nước và các tổ chức quốc tế về thống kê lâm nghiệp ở nước ta từ trước đến nay còn nghèo nàn, nguồn tài liệu còn thiếu. Về cơ bản các phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp đang áp dụng hiện nay chủ yếu là của Việt Nam, tồn tại từ nhiều năm của thời kỳ kế hoạch hoá tập trung được bổ sung một số điểm nhưng chưa thành một hệ thống thống nhất. Trong khi đó công tác nghiên cứu khoa học về vấn đề này từ trước đến nay chưa được quan tâm đúng mức, phần lớn các nội dung cải tiến là do kinh nghiệm thực tế.

Quan điểm của FAO về phát triển lâm nghiệp là thực hiện xã hội hoá ngành lâm nghiệp trong mỗi quốc gia bằng cách khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng và bảo vệ rừng. Tăng cường hợp tác quốc tế trao đổi kinh nghiệm trên cơ sở chiến lược chung của khu vực. Cải thiện số liệu thống kê lâm nghiệp theo hướng phản ánh chính xác thực trạng ngành lâm nghiệp có tính đến đặc thù của mỗi quốc gia và khu vực, có thể so sánh quốc tế, đáp ứng nhu cầu người dùng tin trong lĩnh vực lâm nghiệp. Các chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp chủ yếu của FAO là:

- Diện tích rừng tự nhiên.
- Diện tích rừng trồng.
- Sản lượng gỗ tròn.
- Gỗ nguyên liệu giấy, sợi,...
- Tỷ lệ đất rừng được che phủ.
- Sản phẩm lâm nghiệp khác.
- Sản phẩm lâm nghiệp xuất khẩu.

Phương pháp thu thập thông tin dựa trên các cuộc tổng điều tra chu kỳ 5 năm hoặc 10 năm và các cuộc điều tra chọn mẫu định kỳ.

2. Đánh giá thực trạng hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp hiện hành.

2.1. *Thực trạng hệ thống chỉ tiêu lâm sinh và khai thác gỗ, lâm sản hiện nay:*

Qua nghiên cứu các chỉ tiêu hiện hành, đề tài rút ra một số nhận xét như sau:

*** Ưu điểm:**

Trong chế độ báo cáo và điều tra lâm nghiệp hiện hành các chỉ tiêu về lâm sinh và khai thác cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo của các cấp, các ngành. Những chỉ tiêu chủ yếu được phản ánh trong hệ thống chỉ tiêu, đồng thời bổ sung một số chỉ tiêu chi tiết phản ánh chiến lược phát triển lâm nghiệp trong dự án 661 (Dự án 5 triệu ha rừng) phân nào đáp ứng và tiếp cận thực tế sản xuất. Cụ thể là chỉ tiêu phản ánh các công việc phục hồi rừng kiệt như diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung, số cây trồng phân tán, diện tích rừng trồng được chăm sóc, diện tích rừng trồng bổ sung, diện tích rừng trồng được khoanh nuôi tái sinh. Các chỉ tiêu trong hệ thống thống kê lâm nghiệp khai thác gỗ và lâm sản hiện nay bao gồm: Gỗ, củi, lâm sản và đặc sản thu hoạch trong quá trình sản xuất lâm nghiệp.

*** Nhược điểm:**

Trong xu thế hội nhập hiện nay với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần nội dung các chỉ tiêu lâm sinh và khai thác lâm sản bộc lộ một số nhược điểm:

+ Một số khái niệm chỉ tiêu, nội dung các chỉ tiêu lâm sinh còn chưa đầy đủ, chưa rõ ràng, dễ gây nhầm lẫn khi phân loại. Hệ thống chỉ tiêu lâm sinh chưa phân tổ chi tiết theo loại rừng; theo công dụng kinh tế... Tác dụng của việc phân loại này nhằm phản ánh chất lượng rừng một cách đầy đủ bởi vì tỷ trọng diện tích rừng có nhiều loại cây chất lượng cao thì phẩm cấp rừng càng tốt. Đối với cây lâm nghiệp trồng phân tán chưa phản ánh đầy đủ thực tế trồng các loại cây khác nhau.

+ Hệ thống chỉ tiêu khai thác gỗ và lâm sản cũng bộc lộ nhược điểm: Một là, phân tổ sản phẩm gỗ chưa chi tiết, thiếu phân tổ theo nhóm gỗ và theo nguồn khai thác. Khai thác gỗ không chỉ giới hạn gỗ từ rừng tự nhiên mà còn cả gỗ rừng trồng tập trung, trồng cây phân tán hoặc gỗ tận dụng. Hệ thống chỉ tiêu khai thác hiện nay chưa phản ánh đầy đủ kết quả sản xuất của vùng rừng nguyên liệu theo chủ trương của Nhà nước. Hai là, đơn vị tính một số sản phẩm lâm nghiệp ngoài gỗ chưa qui định rõ ràng, hệ số qui đổi hình thái một số sản phẩm chưa bảo đảm tính thống nhất trong thống kê sản phẩm.

Tóm lại nội dung các chỉ tiêu lâm sinh và khai thác lâm sản hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu cập nhật thông tin lâm nghiệp quý, 6 tháng và 9 tháng của Nhà nước cũng như của ngành thống kê. Tình trạng vừa thừa vừa thiếu thông tin nhưng chậm sửa đổi vẫn diễn ra trên nhiều lĩnh vực phản ánh những bất cập về

tính thực tiễn và tính khả thi trong phương pháp thu thập số liệu thống kê hiện hành.

2.2. Thực trạng phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm sinh và khai thác gỗ và lâm sản hiện nay:

**** Ưu điểm:***

Đối với ngành Thống kê, thu thập thông tin hoạt động lâm nghiệp theo hai hình thức báo cáo định kỳ và điều tra chọn mẫu là phù hợp với điều kiện tổ chức bộ máy, kinh phí và trình độ cán bộ thống kê lâm nghiệp các cấp trong giai đoạn hiện nay. Ưu điểm này rất có ý nghĩa vì nếu phương pháp quá phức tạp và tốn kém không phù hợp với trình độ cán bộ và điều kiện kinh phí của ngành thường dẫn đến tình trạng sử dụng số liệu ước tính thay cho điều tra, độ tin cậy thấp.

Mục đích cả hai hình thức nhằm phản ánh kịp thời kết quả sản xuất lâm nghiệp của tất cả các thành phần kinh tế trong năm sản xuất Phạm vi báo cáo và điều tra được thực hiện trên cả nước. Phương pháp thu thập số liệu đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kinh phí ít. Phương pháp chọn mẫu trong điều tra lâm nghiệp là: kết hợp phương pháp chuyên gia và phương pháp điều tra chọn mẫu máy móc.

**** Nhược điểm:***

Chế độ báo cáo cơ sở: Chu kỳ báo cáo hiện hành theo thời gian 1 năm 1 lần, điều này hiện nay không phù hợp với yêu cầu cập nhật thông tin lâm nghiệp theo quý, 6 tháng và 9 tháng của Nhà nước cũng như của ngành thống kê. Không có chế độ báo cáo lâm nghiệp từng quý nên cơ quan thống kê các cấp từ TW đến địa phương đều không có số liệu để tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả sản xuất của ngành lâm nghiệp, phải sử dụng phương pháp ước tính nên độ tin cậy rất thấp. Nội dung thông tin thu thập trong chế độ báo cáo đối với các doanh nghiệp lâm nghiệp vừa thừa lại vừa thiếu, chưa phản ánh được cơ chế quản lý theo khoán hộ hiện nay, thiếu tính thực tiễn và chậm được sửa đổi. Vì vậy tính thực tiễn của chế độ báo cáo hiện hành rất hạn chế và không có tính khả thi.

Điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh:

+ Phương pháp điều tra hiện nay quy định hai năm tiến hành điều tra một lần. Như vậy số liệu thống kê lâm nghiệp trong những năm không tiến hành điều tra thực chất là suy rộng có sự phối hợp với Sở Nông nghiệp và các ban ngành chuyên môn.

+ Trong phương án điều tra việc phân vùng chọn mẫu còn dàn trải, chưa chú ý đến các vùng trọng điểm có hoạt động sản xuất lâm nghiệp, tính đại diện mẫu chưa cao. Điều này chưa phản ánh đặc thù trong sản xuất lâm nghiệp là tính chất hoạt động lâm nghiệp giữa các hộ, các vùng, miền cũng rất khác nhau phụ thuộc vào trình độ quản lý, mật độ hoạt động lâm nghiệp,...

+ Phương pháp tính toán và suy rộng kết quả điều tra lâm nghiệp chưa đảm bảo tính khoa học và tính thực tế, chưa phù hợp cả về mức độ tham gia hoặc hưởng thụ lâm sản lẫn tính đa dạng, đặc thù và phân tán ở các vùng các địa phương khác nhau.

3. Đề xuất cải tiến hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp.

3.1. Đề xuất cải tiến hệ thống chỉ tiêu lâm nghiệp:

- Trong hệ thống chỉ tiêu lâm sinh, đề tài đã đưa ra 11 khái niệm chỉ tiêu lâm sinh và nêu nguyên tắc phân bổ thống nhất giữa các chỉ tiêu nhằm tránh trùng, sót và đảm bảo cho việc thống kê chính xác từng chỉ tiêu lâm sinh. Tất cả khái niệm nêu trên đều có tính thiết thực hơn, nêu những qui định cụ thể hơn so với qui định ghi trong chế độ báo cáo ban hành theo Quyết định 657/2002/QĐ-TCTK (2002). Ngoài ra đề tài cũng đề xuất bổ sung khái niệm một số chỉ tiêu dễ gây nhầm lẫn khi phân tổ. Các khái niệm được bổ sung cụ thể hơn, chi tiết hơn nhằm tạo tiền đề nâng cao trình độ cán bộ thống kê, khâu phân tổ các chỉ tiêu lâm sinh được thực hiện một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ giúp cho các ngành, các cấp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo chỉ đạo việc thực hiện các chỉ tiêu lâm sinh cũng như đặt kế hoạch cho các chỉ tiêu lâm sinh được đầy đủ, toàn diện, cụ thể, thiết thực.

Sau đây nêu khái niệm một số chỉ tiêu chính:

+ *Diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung trong năm*: là diện tích trồng mới tập trung và trồng bổ sung có quy mô từ 0,5 ha trở lên trên diện tích đất lâm nghiệp hoặc đất có khả năng lâm nghiệp.

+ *Diện tích rừng trồng được chăm sóc* là diện tích rừng được làm cỏ, vun gốc, tỉa cây xâm lấn, chặt cây gãy, bón phân, phòng trừ sâu bệnh trong thời gian ba, bốn năm đầu sau khi trồng (cho đến khi khép tán).

+ *Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh* là diện tích rừng nghèo kiệt tán che dưới 30% được ngành lâm nghiệp bảo vệ, cấm khai thác, tạo điều kiện để trong môi trường khí hậu nhiệt đới rừng tự phát triển nhanh chóng thành rừng trung bình và rừng giàu.

- Hệ thống chỉ tiêu khai thác gỗ và lâm sản: Đề tài đã trình bày 40 khái niệm chỉ tiêu sản lượng lâm sản khai thác bao gồm các chỉ tiêu sản lượng gỗ và các lâm đặc sản khác được khai thác.

Sau đây là một số khái niệm chỉ tiêu sản lượng khai thác cơ bản bổ sung mới cho chế độ báo cáo:

+ *Sản lượng gỗ khai thác trong năm*: Là sản lượng các loại cây lâm nghiệp thân gỗ được khai thác trong 1 năm.

Gỗ khai thác trong năm cần chia theo thành phần kinh tế, theo nguồn gốc khai thác, theo mục đích kinh tế, theo nhóm gỗ.

+ *Sản lượng củi khai thác*: là sản phẩm lâm nghiệp được dùng làm chất đốt trong sản xuất, đời sống. Không tính vào sản lượng củi được khai thác từ các loại cây nông nghiệp.

+ *Sản lượng tre, luồng, vầu....*: là loại lâm sản được dùng vào mục đích đan lát, làm nhà, chuồng trại,...

+ *Sản lượng cây nguyên liệu giấy khai thác*: là tre, luồng, vầu, sặt, nứa được khai thác trong năm nhằm mục đích làm giấy hoặc bột giấy.

Cây dùng làm nguyên liệu giấy cần được phân theo thành phần kinh tế.

Ngoài đề xuất bổ sung các khái niệm cụ thể, đề tài đã đề xuất sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu trong báo cáo thống kê lâm nghiệp ban hành theo Quyết định 657/2002/QĐ-TCTK (2002) theo hướng cụ thể như sau:

1. Nhóm chỉ tiêu "Diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung" trong chỉ tiêu "Rừng sản xuất trồng mới": bổ sung các chỉ tiêu rừng gỗ, rừng tre luồng và rừng đặc sản.

2. Nhóm chỉ tiêu "Số cây trồng phân tán" trong chỉ tiêu "Số cây trồng phân tán": bổ sung các chỉ tiêu cây lấy gỗ; tre luồng; cây đặc sản; cây lâm nghiệp khác.

3. Nhóm chỉ tiêu "Diện tích rừng trồng được chăm sóc" trong chỉ tiêu "Diện tích rừng được chăm sóc": bổ sung các chỉ tiêu rừng trồng sản xuất được chăm sóc; rừng trồng phòng hộ được chăm sóc; rừng trồng đặc dụng được chăm sóc.

4. Nhóm chỉ tiêu "Diện tích rừng trồng theo dự án 5 triệu ha" cần sắp xếp thứ tự các chỉ tiêu như nhóm "Diện tích rừng tập trung trồng mới và trồng bổ sung".

5. Nhóm chỉ tiêu "Tổng số gỗ khai thác" bổ sung các chỉ tiêu phân tổ nhỏ theo nguồn gốc khai thác, theo mục đích khai thác, theo nhóm gỗ.

6. Bỏ nhóm chỉ tiêu "Sản phẩm thu nhặt" ở biểu số 15 LN-T "Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp" cho phù hợp với nội dung biểu 14 LN-T "Khai thác gỗ và lâm sản".

3.2. Đề xuất, cải tiến phương pháp thu thập số liệu lâm sinh và khai thác gỗ, lâm sản:

- Cải tiến chế độ báo cáo định kỳ:

+ Nội dung thu thập sẽ tập trung vào các thông tin quan trọng có trong hoạt động của các DNNN, lược bỏ các chỉ tiêu không cần thiết hoặc cần nhưng không có khả năng thu thập và tính toán trong điều kiện hiện nay của các DNNN về lâm nghiệp.

+ Thời gian thu thập sẽ nhiều hơn, cụ thể là có báo cáo theo quý, 6 tháng và 9 tháng để đáp ứng yêu cầu thông tin làm báo cáo thống kê quý, 6 tháng và 9 tháng của ngành.

+ Mở rộng phạm vi các DNNN có hoạt động lâm nghiệp. Làm được như vậy sẽ quét hết các hoạt động khai thác gỗ và lâm sản của mọi DNNN và tổ chức kinh tế xã hội khác có sử dụng rừng, đất rừng và trồng cây phân tán có sản phẩm thu hoạch trong năm báo cáo, khắc phục được tình trạng thu thập không hết các thông tin gỗ và lâm sản khai thác của các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Đổi mới nội dung và phương pháp điều tra lâm nghiệp (lâm sinh và khai thác gỗ và lâm sản):

Phương pháp thu thập thông tin vẫn là áp dụng kết hợp điều tra toàn bộ qua Tổng điều tra nông nghiệp với chu kỳ 5 năm 1 lần với điều tra lâm nghiệp hàng năm theo phương pháp điều tra chọn mẫu.

Đề xuất cải tiến phương pháp thu thập số liệu khai thác gỗ và lâm sản khu vực ngoài quốc doanh thông qua điều tra chọn mẫu hàng năm. Nội dung cải tiến tập trung vào các vấn đề chủ yếu:

- Phân tổ lại địa bàn điều tra theo hướng tập trung chủ yếu và các địa bàn trọng điểm về khai thác gỗ và lâm sản. Trên phạm vi cả nước, các tỉnh điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh được chia thành 2 tổ: tổ có rừng và đất rừng và tổ

không có rừng và đất rừng. Tương tự, trong mỗi tỉnh, thành phố, các huyện thị cũng phân chia thành 2 tổ như trên.

- Phân vùng điều tra: Trong mỗi tỉnh, các địa bàn có cùng điều kiện tương tự như nhau được xếp vào một vùng để từ đó tiến hành phân vùng, chọn xã, thôn và hộ điều tra.

- Phương pháp tính toán, suy rộng kết quả điều tra cũng tiến hành theo phương án cũ chỉ có điểm mới là chỉ suy rộng cho tổng thể có cùng điều kiện với mẫu điều tra, nên sai số chọn mẫu đã được hạn chế nhiều so với phương án hiện nay.

- Về tổ chức chỉ đạo điều tra: Phương pháp đề nghị là tập trung cho các địa bàn có rừng và đất rừng cả về lực lượng, kinh phí, thời gian.

- Về thời gian điều tra: chu kỳ điều tra mỗi năm một lần thay vì 2 năm một lần như trước đây. Thời điểm điều tra 1-8 nhằm phục vụ báo cáo 9 tháng và ước tính cả năm vào cuối tháng 9 hàng năm, khắc phục được tình trạng ước tính thiếu căn cứ số liệu thống kê như hiện nay.

Ngoài 2 hình thức thu thập thông tin chủ yếu trên, ngành Thống kê cần khai thác kết quả các cuộc Tổng điều tra khác như: nông nghiệp nông thôn chu kỳ 5 năm 1 lần; cơ sở kinh tế và hành chính sự nghiệp theo chu kỳ 5 năm 1 lần; điều tra thu chi gia đình; điều tra doanh nghiệp hàng năm; kiểm kê rừng và đất rừng; số liệu kết quả các chương trình dự án về trồng rừng tập trung, trồng cây phân tán trong nhân dân... để bổ sung, tham khảo.

Tóm lại, đề tài không chỉ đề xuất nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê lâm nghiệp, phương pháp tính toán từng chỉ tiêu cụ thể mà còn làm rõ nguồn số liệu và phương pháp thu thập số liệu ở địa phương và cơ sở. Nói chung những đề xuất trong đề tài là có cơ sở thực tiễn, có thể nghiên cứu vận dụng trong công tác thực tiễn thống kê lâm nghiệp.

III. KIẾN NGHỊ KẾT LUẬN

Hoàn thiện hệ thống thống kê lâm nghiệp và cải tiến phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp là một chủ trương đúng, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng số liệu thống kê lâm nghiệp mà còn có ý nghĩa trong việc đánh giá đúng mức độ đóng góp của lâm nghiệp vào nền kinh tế, khuyến khích lâm nghiệp phát triển. Những đề xuất của đề tài góp phần hoàn thiện chế độ báo cáo và cải tiến phương án điều tra thống kê lâm nghiệp có tính khả thi, dễ làm, phù hợp với trình độ cán bộ thống kê các cấp, điều kiện kinh phí ngành thống kê và có thể áp dụng ngay trong những năm tới. Hướng hoàn thiện 1 à kết hợp hài hoà giữa báo

cáo định kỳ áp dụng cho các cục thống kê tỉnh thành phố, chế độ báo cáo cơ sở áp dụng cho các doanh nghiệp Nhà nước với điều tra chuyên môn đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ gia đình hàng năm với các nội dung chủ yếu, kỹ thuật điều tra chọn mẫu.

Tăng cường sự hợp tác toàn diện giữa Thống kê Nhà nước với thống kê ngành nông nghiệp phát triển nông thôn từ trung ương đến địa phương và cơ sở. Để có sự phối kết hợp đó yêu cầu đặt ra hàng đầu là sự quan tâm của lãnh đạo các ngành hữu quan, trước hết là 2 ngành nông lâm nghiệp và Thống kê và chính quyền cấp địa phương và cơ sở những địa bàn có rừng, đất rừng. Để đảm bảo tính khả thi của các đề xuất trên, đề tài kiến nghị Tổng cục Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn củng cố tổ chức bộ phận thống kê lâm nghiệp ở các cấp, ổn định cán bộ và đầu tư kinh phí thoả đáng cho công tác thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp hàng năm phù hợp với yêu cầu quản lý của Nhà nước về kinh tế lâm nghiệp.

Đề tài nghiên cứu hoàn thiện và cải tiến hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp chỉ dừng lại ở mức đề xuất nội dung và phương pháp tính toán cụ thể cho từng chỉ tiêu. Các đề xuất trên đây chỉ là những căn cứ khoa học và thực tế về chuyên môn nghiệp vụ để vụ chức năng của Tổng cục Thống kê nghiên cứu, vận dụng hoàn thiện chế độ báo cáo và điều tra thống kê trong lĩnh vực lâm nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng thông tin thống kê lâm nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh CNH.HĐH nông nghiệp nông thôn nước ta. /.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo Thống kê lâm nghiệp tại Hội nghị lần thứ 18 các nước châu Á Thái Bình Dương tại Bali (Indonexia) từ 6-10 tháng 11 năm 2000.
2. Báo cáo Thống kê lâm nghiệp tại Hội nghị lần thứ 19 các nước châu Á Thái Bình Dương tại Xeoul (Korea) từ 21-25 tháng 10 năm 2002.
3. Báo cáo của Ủy ban Lâm nghiệp Châu Á Thái Bình Dương (Khoá họp lần thứ 20 tại Nadi (Fiji) từ 19-23 tháng 3 năm 2004).
4. Tài liệu Tổng điều tra lâm nghiệp của Nhật Bản.
5. Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2001-2010 (Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn).
6. Chế độ báo cáo thống kê định kỳ của Tổng cục Thống kê ban hành theo các Quyết định:
 - QĐ 156-PPCĐ/TK ngày 5-8-1971.
 - QĐ 195/ TCTK ngày 4-12-1990.
 - QĐ 287/TCTK-QĐ ngày 20-10-1995.
 - QĐ 300/TCTK/NLTS ngày 19-7-1996.
 - QĐ 657/2002/ QĐ-TCTK ngày 2-10-2002.
7. Chế độ báo cáo thống kê Liên bộ theo QĐ 1214/LB-TCTK ngày 28-9-1970.
8. Chế độ báo cáo thống kê lâm nghiệp của Bộ Lâm nghiệp số 811/TV ngày 23-8-1982.
9. Hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân năm 1994 của Tổng cục Thống kê.
10. Lâm nghiệp Việt Nam 1945-2000 (Nhà xuất bản nông nghiệp).

DANH MỤC SẢN PHẨM ĐẠT ĐƯỢC

STT	Nội dung	Số trang
1.	Các báo cáo chuyên đề	
1.1	Kinh nghiệm các nước và của FAO về hệ thống chỉ tiêu và phương pháp thu thập số liệu thống kê lâm nghiệp, khả năng vận dụng vào Việt Nam.	15
1.2	Thực trạng hệ thống chỉ tiêu lâm sinh hiện nay, ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.	15
1.3	Thực trạng hệ thống chỉ tiêu khai thác gỗ và lâm sản hiện nay, ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến.	19
1.4	Thực trạng phương pháp thu thập số liệu lâm sinh hiện nay (chế độ báo cáo, điều tra), ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến	13
1.5	Thực trạng phương pháp thu thập số liệu khai thác gỗ và lâm sản hiện nay (chế độ báo cáo, điều tra), ưu điểm, nhược điểm và đề xuất cải tiến	18
2.	Báo cáo tổng hợp	31
3.	Báo cáo tóm tắt	14